

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 5 - 2021

V/v tranh chấp “Hôn nhân gia đình

- Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phùng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 493/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp “*Hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh G, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp Bình Ph 2, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp Bình Ph 2, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Anh Giang xin vắng mặt, chị Nh có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 25/11/2020 bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Thanh Giang trình bày:

Hôn nhân của anh và chị Nh qua tìm hiểu, được sự đồng ý của cha mẹ có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2011, ngày 25/5/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung thời gian đầu hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nguyên nhân do không sự tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ dẫn đến nhiều lần cự

cãi và đánh nhau, được gia đình khuyên ngăn hàn gắn chung sống lại nhưng sau đó tiếp tục mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên tháng 11 năm 2020 anh bỏ đi, chị Nh cũng đi làm xa, mỗi người sống mỗi nơi, vợ chồng chính thức ly thân đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Nh.

Về con chung: anh và chị Nh có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim D sinh ngày 26/3/2011 và Nguyễn Thị Hồng V sinh năm 30/11/2017, hiện đang sống với chị Nh, đồng ý cho chị Nh tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày: chị và anh G có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị đồng ý ly hôn. Về con chung yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh G cấp dưỡng cho con theo quy định. Về tài sản chung, nợ chung phải thu phải trả không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh G và chị Nh được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được và anh G yêu cầu ly hôn chị Nh đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Về con chung anh G và chị Nh có 02 con chung, hiện các con đang sống với chị Nh, tại phiên tòa chị Nh yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh G cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nh và nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Nh là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Bình Ph 2, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Anh Giang có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nh. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập năm 2011 trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy Nh, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được; Anh Giang yêu cầu ly hôn và chị Nh đồng ý ly hôn nên HĐXX căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh G và chị Nh.

Về nuôi con chung: anh và chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim D sinh ngày 26/3/2011 và Nguyễn Thị Hồng V sinh năm 30/11/2017, hiện đang sống với chị Nh; anh G đồng ý cho chị Nh được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật, tại phiên tòa chị Nh cũng thống nhất. Xét, từ khi ly thân đến nay hai cháu D và V do chị Nh chăm sóc, giáo dục, đảm bảo phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao 02 cháu cho chị Nh tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến thành niên hoặc tự lập được; ghi nhận sự tự nguyện của anh Giang cấp dưỡng cho con mỗi tháng 750.000đ/01 đứa con (750.000đ/tháng x 02 con = 1.500.000đ/tháng) đến khi con thành niên hoặc tự lập được; phương thức và thời gian bắt đầu cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận hoặc được thực hiện tại giai đoạn thi hành án theo quy định của Luật thi hành án Dân sự. Chị Nh phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh G đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, chị Nh không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì anh G có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh G và chị Nh phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: anh Giang phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Chị Nh không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh G và chị Nguyễn Thị Nh.

Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2011, ngày 25/5/2011 của Ủy ban nhân dân xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Thanh G và chị Nguyễn Thị Nh không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nh được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim D sinh ngày 26/3/2011 và Nguyễn Thị Hồng Vân sinh năm 30/11/2017 đến thành niên hoặc tự lập được.

Anh G cấp dưỡng cho con mỗi tháng 750.000đ/01 đứa con (750.000đ/tháng x 02 con = 1.500.000đ/tháng) đến khi con thành niên hoặc tự lập được. Phương thức và thời gian bắt đầu cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận hoặc được thực hiện tại giai đoạn thi hành án theo quy định của Luật thi hành án Dân sự.

Chị Nh phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh G đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, chị Nh không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì anh Giang có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh G phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng là 300.000đ, tổng cộng là: 600.000đ được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001768 ngày 10/12/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (anh G phải nộp tiếp 300.000đ). Chị Nguyễn Thị Nh không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Giang có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Bình, huyện Phú Tân tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Bích Tuyền